BÀI TẬP TUẦN 16 – MÔN TIẾNG VIỆT

(Tổng kết vốn từ)

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng nhất:

1. **Hải Thượng Lãn Ông là một thầy thuốc như thế nào ?.**

   A. Hải Thượng Lãn Ông là một thầy thuốc chỉ biết chữa bệnh kiếm tiền.
   B. Hải Thượng Lãn Ông là một thầy thuốc không màng danh lợi.
   C. Hải Thượng Lãn Ông là một thầy thuốc chỉ chữa bệnh trong cung.Hải Thượng Lãn Ông là một thầy thuốc chuyên chữa bệnh cho người giàu có.

2. Trong bài đọc "Thầy cúng đi bệnh viện" (SGK TV5 tập 1 trang 158)
   Cu Ún làm nghề gì ?

   A. Cu Ún dạy học cho bà con trong làng.

   B. Cu Ún là một nông dân.

   C. Cu Ún làm nghề thầy cúng.

   D. Cu Ún là một bác sĩ.

3. **Từ nào sau đây viết đúng chính tả :**

   A. Rau riếp

   B. Rau giếp

   C. Rau díp

   D. Rau diếp

4. **Dòng nào sau đây nêu đúng những từ đồng nghĩa với từ "nhân hậu'**

   A. phúc hậu, nhân ái, nhân từ, nhân đức

   B. phúc hậu bất nhân, nhân từ, nhân đức

   C. phúc hậu, nhân ái, nhân từ, nhân dân

   D. phúc hậu, hậu đậu, nhân ái, nhân đức

5. **Dòng nào sau đây nêu đúng những từ trái nghĩa với từ "dũng cảm" ?**

   A. anh dũng, nhu nhược, gan dạ, bạo dạn.

   B. hèn nhát, nhút nhát, hèn yếu, nhu nhược.

   C. gan dạ, bạo dạn, hèn yếu, hèn hạ.

   D. bạo dạn, anh dũng, nhút nhát, nhu nhược.

6. Cho câu : **Chị ấy …… nhận lời mời của em.**

Từ thích hợp điền vào chỗ chấm là :

A. phấn khích

B. phấn khởi

C. hí hửng

D. vui vẻ

7. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào trước từ trái nghĩa với từ "bao la"

- Mênh mông
- Nhỏ bé
- Chật hẹp
- Bát ngát

8. Nối các tiếng sau đây thành những nhóm đồng nghĩa :

đỏ	bạch
trắng	son
xanh	đào
Hồng	lục

9. Cho câu " Ngựa màu đen gọi là ngựa ……"

Tiếng thích hợp để điền vào chỗ chấm là :

A. mun

B. huyền

C. ô

D. mực

10. Cho các từ sau :

Vạm vỡ; trung thực; đôn hậu; tầm thước; béo; thấp; trung thành; gầy; phản bội; khoẻ; cao; yếu; hiền; cứng rắn; giả dối

- **Xếp các từ trên thành hai nhóm :**

Nhóm tả hình dáng	**Nhóm tả tính tình**
……..	……
……...	……
……..	……

ĐÁP ÁN MÔN TIẾNG VIỆT TUẦN 16

1. B

2. C

3. D

4. A

5. B

6. D

7. S, Đ, Đ, S

8.

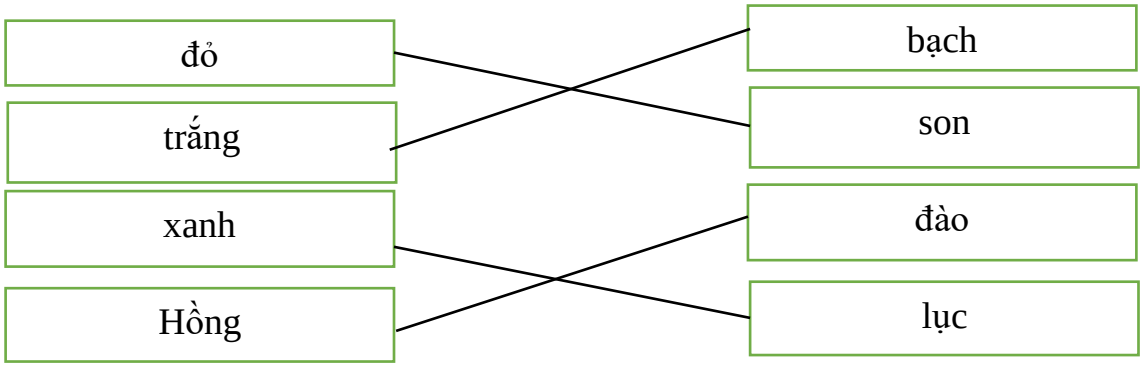

9. C

10.

Nhóm tả hình dáng	Nhóm tả tính tình
- vạm vỡ; tầm thước; mảnh mai, béo; thấp; gầy; khoẻ; cao; yếu	- trung thực; đôn hậu; trung thành; phản bội; hiền; cứng rắn; giả dối